

Số: /QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5000)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 1822/2003/QĐ-UB ngày 09/7/2003 của UBND tỉnh Nam Định phê duyệt quy hoạch tổng thể thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường;

Căn cứ Quyết định số 2781/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5.000);

Xét văn bản số 288/SXD-QH ngày 10/11/2020 của Sở Xây dựng về việc thẩm định điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5.000);

Theo đề nghị tại Tờ trình số 179/TTr-UBND ngày 28/10/2020 của UBND huyện Xuân Trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tỷ lệ 1/5000, với nội dung sau:

I. Danh mục các bản vẽ:

- 1 - Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng (QH-01).
- 2 - Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan và hệ thống hạ tầng xã hội (QH-02).
- 3 - Bản đồ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật (QH-03).
- 4 - Bản đồ đánh giá tổng hợp đất xây dựng (QH-04).
- 5 - Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (QH-05).
- 6 - Bản đồ quy hoạch phát triển không gian (QH-06).
- 7 - Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng đến năm 2030 (QH-07).
- 8 - Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng đến năm 2025 (QH-08).
- 9 - Thiết kế đô thị (QH-09).
- 10 - Bản đồ quy hoạch giao thông (QH-10).
- 11 - Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật (QH-11).
- 12 - Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường (QH-12).
- 13 - Bản đồ quy hoạch cấp nước (QH-13).
- 14 - Bản đồ quy hoạch cấp điện (QH-14).
- 15 - Bản đồ đánh giá hiện trạng môi trường (QH-15).
- 16 - Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược (QH-16)

II. Nội dung chính đồ án:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5.000).

2. Mục tiêu lập quy hoạch:

- Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Xuân Trường với những vị thế và xu hướng phát triển mới, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá, tạo điều kiện khai thác có hiệu quả những tiềm năng phát triển của thị trấn theo hướng phát triển bền vững, phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện cũng như của tỉnh.

- Xây dựng, phát triển thị trấn Xuân Trường xứng đáng với vị thế là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hoá của huyện Xuân Trường. Xây dựng phát triển thị trấn Xuân Trường văn minh, thân thiện, với hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại gắn với tiềm năng về phát triển công nghiệp, dịch vụ thương mại.

- Tăng cường quản lý phát triển đô thị, tạo điều kiện thu hút đầu tư; đào tạo nguồn nhân lực; xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ và hiện đại; phát triển bền vững, phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Làm cơ sở để quản lý quy hoạch và triển khai tiếp công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng đô thị theo quy hoạch. Tạo cơ hội thuận lợi cho các chương trình phát triển, các dự án đầu tư.

3. Phạm vi, ranh giới, quy mô, tính chất khu vực lập quy hoạch.

3.1. Vị trí, ranh giới:

Phạm vi và ranh giới nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch là toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn. Giới hạn:

- + Phía Bắc giáp xã Xuân Ngọc.
- + Phía Nam giáp xã Xuân Kiên, Xuân Tiến, Xuân Ninh.
- + Phía Đông giáp xã Xuân Vinh, Xuân Trung.
- + Phía Tây giáp huyện Trực Ninh qua sông Ninh Cơ.

3.2. Quy mô:

- Quy mô diện tích: 641,34 ha.
- Dự báo quy mô dân số đến năm 2030: 11.600 người.

3.3. Tính chất đô thị:

- Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hoá của huyện Xuân Trường.

- Là đô thị nằm trong hành lang kinh tế - văn hoá - sinh thái của tỉnh, là địa điểm du lịch văn hoá quan trọng gắn với truyền thống văn hoá lâu đời của huyện.

- Là khu vực đô thị văn minh, hiện đại dựa trên hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ.

- Là trung tâm công nghiệp, dịch vụ thương mại.

4. Định hướng phát triển không gian:

4.1. Hướng phát triển không gian:

Thị trấn Xuân Trường trong tương lai lấy khu vực trung tâm hiện hữu và khu vực phía Nam thị trấn làm không gian phát triển chủ đạo.

4.2. Cấu trúc phát triển không gian:

Định hướng phát triển thị trấn Xuân Trường chia làm 4 khu vực phát triển, mỗi khu vực có tính chất riêng và được phân cách bởi các trục giao thông chính:

- Khu vực 1 - Khu vực phía Tây trục đường 32 từ khu vực chân cầu Lạc Quần đến tổ 12, 13 (Khu vực phát triển công nghiệp - dịch vụ thương mại, vui chơi giải trí).

- Khu vực 2 - Khu vực hai bên trục đường 32m từ tổ 12,13 đến công ty may Sông Hồng và phía đông đến nhà văn hoá tổ 18 (Khu vực trung tâm hành chính, công cộng cấp huyện).

- Khu vực 3 - Khu vực hai bên trục TL 489 từ Nhà văn hoá tổ 18 đến bến xe thị trấn (Khu vực trung tâm hành chính công cộng của thị trấn, phát triển đô thị, dịch vụ thương mại và nông nghiệp).

- Khu vực 4 - Khu vực phía Đông trục TL489C (Khu vực phát triển dịch vụ thương mại, đô thị và nông nghiệp).

5. Phân khu kiến trúc cảnh quan

Kiến trúc cảnh quan được xác định cụ thể theo từng phân khu với những khu vực, trục chủ đạo và điểm nhấn chính. Cụ thể:

- Khu vực 1: Phát triển cảnh quan gắn kết với cảnh quan khu công viên cây xanh trung tâm, khu dịch vụ thương mại, khu đô thị và khu vực sản xuất công nghiệp trong tổng thể hình thành và phát triển khu vực trung tâm mới của đô thị.

- Khu vực 2: Phát triển cảnh quan gắn kết với khu trung tâm chính đô thị - khu vực trung tâm hành chính, công cộng cấp huyện.

- Khu vực 3 và khu vực 4: Phát triển cảnh quan gắn kết với khu dịch vụ thương mại và các khu đô thị, khu dân cư tập trung.

6. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp sử dụng đất

TT	Loại đất	Năm 2025		Năm 2030	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công trình công cộng	20,04	3,12	20,04	3,12
2	Đất trụ sở cơ quan	7,26	1,13	7,26	1,13
3	Đất y tế	0,80	0,12	0,80	0,12
4	Đất trường học	9,08	1,42	9,08	1,42
5	Đất quốc phòng, an ninh	3,02	0,47	3,02	0,47
6	Đất dịch vụ thương mại	26,88	4,19	63,58	9,91
7	Đất hỗn hợp	1,00	0,16	14,49	2,32
8	Đất làng xóm và xen cấy các chức năng mới	85,80	13,38	85,80	13,38

9	Đất công nghiệp	42,15	6,57	59,15	9,22
10	Đất nông nghiệp	201,19	31,37	133,59	20,83
11	Đất cây xanh - TĐTT	20,69	3,23	20,69	3,23
12	Đất hạ tầng kỹ thuật	2,93	0,46	2,93	0,46
13	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	5,55	0,87	5,55	0,87
14	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	13,89	2,17	13,89	2,17
15	Đất sông suối, mặt nước chuyên dùng	73,68	11,49	73,68	11,49
16	Đất giao thông	73,01	11,38	73,01	11,38
17	Đất ở mới	19,78	3,08	19,78	3,08
18	Đất dự trữ phát triển đô thị	27,50	4,29	27,50	4,29
19	Đất chưa sử dụng (Đất bãi sông)	7,09	1,11	7,09	1,11
TỔNG		641,34	100	641,34	100

7. Định hướng không gian chiều cao:

Chiều cao xây dựng các công trình tuân thủ theo quy chuẩn về quy hoạch xây dựng.

Chiều cao các công trình xây dựng trong đô thị được định hướng để khai thác yếu tố cảnh quan tự nhiên đồng thời tạo nên một số điểm nhấn, khu vực có chiều cao tầm nhìn nổi bật cho đô thị, mang dáng dấp hiện đại.

- Các khu vực đô thị được xây dựng với nhiều loại mô hình nhà ở khác nhau: Cần bố trí bố cục hợp lý để tạo diện mạo cho đô thị và đặc trưng cho từng khu vực; bố trí công trình theo hướng mở, tránh tình trạng manh mún và bố trí cảnh tầm nhìn. Xác định chiều cao xây dựng hệ thống các công trình dựa trên nguyên tắc kết hợp theo diện, tuyến, điểm, hiện trạng khu vực và quy hoạch sử dụng đất. Trong đó:

+ Bố trí dựa trên việc hình thành các khu chức năng với tổ chức không gian theo chiều cao tương đối đồng nhất như: Khu dịch vụ thương mại và các khu trung tâm là dạng hình thái khu đô thị cao tầng và số tầng thấp dần về phía ngoại vi; Khu nhà ở sinh thái, biệt thự không quá cao tầng; Khu vực sản xuất công nghiệp là không gian thấp tầng, khối tích công trình lớn, mật độ xây dựng thấp, mang tính hiện đại.

+ Khuyến khích xây dựng cao tầng đối với các công trình dọc các trục đường chính đô thị để tạo điểm nhấn đô thị và nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Dọc theo các tuyến đường chính khu vực khai thác không gian sinh hoạt và tiện nghi cho dân cư đô thị.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Giao thông

a) Giao thông đường bộ:

* Giao thông đối ngoại:

- QL21: Đảm bảo theo quy hoạch giao thông của tỉnh, cũng như quy hoạch chi tiết khu vực chân cầu lạc quần, $B_{nền} = 16m$, $B_{mặt} = 12m$.

- Tỉnh lộ 489:

+ Đoạn từ cống Trung Linh đến đóc Xuân Bảng: Quy hoạch đường 19m (1+12+6)

+ Đoạn từ đóc Xuân Bảng - cống Đầm Sen: Giữ nguyên hiện trạng đường 32m (6+9+2+9+6).

+ Đoạn từ cống Đầm Sen đến cầu Kiểm: Quy hoạch đường 18m (2+11+5).

- Tỉnh lộ 489C: Đoạn qua thị trấn từ giáp xã Xuân Tiến đến đường Trung Linh - Phú Nhai theo quy hoạch cũ đã được phê duyệt là 17m (6+9+2), nay điều chỉnh quy hoạch đường đô thị là 17m (5+11+1).

- Huyện lộ:

+ Tuyến 1: Từ đóc Xuân Bảng đến giáp xã Xuân Ninh: Quy hoạch đường 14m (1+9+4).

+ Tuyến 2: Đường 32m từ Lạc Quần đến đường Trung Linh - Phú Nhai giữ nguyên hiện trạng đường 32m (6+9+2+9+6).

+ Tuyến 3: Tuyến đường Trung Linh - Phú Nhai, giữ nguyên hiện trạng đường 13m (4+7+2).

* Giao thông đối nội: Đường giao thông đối nội tiếp tục được tổ chức theo hệ thống liên hoàn với cấu trúc dạng ô cờ gồm đường trục chính và đường khu vực. Về tiêu chuẩn, chủ yếu các tuyến đường trong khu quy hoạch được thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị, ngoài ra toàn bộ các tuyến giao thông hiện trạng hiện có được nghiên cứu mở rộng các đoạn tuyến có điều kiện trên nguyên tắc tăng cường năng lực giao thông và hạn chế tối đa giải phóng mặt bằng.

* Các công trình đầu mối giao thông: Thực hiện nâng cấp, cải tạo hệ thống cầu dân sinh trên địa bàn thị trấn, đảm bảo tiêu chuẩn và nhu cầu sử dụng.

* Giao thông công cộng, giao thông tĩnh

- Quy hoạch mở rộng bến xe Xuân Trường về phía Nam khu đất hiện có 3.000m², sau khi mở rộng tổng diện tích là 7.000m² (theo quy hoạch vùng và chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt là bến xe loại III, diện tích ≥ 7000 m²).

- Mạng lưới xe bus, phương tiện công cộng: Tiếp tục duy trì các tuyến bus hiện tại chạy qua khu vực. Phát triển phương tiện giao thông công cộng với các

loại hình xe khách, xe taxi nhưng đảm bảo tính hệ thống, có sự quản lý chặt chẽ, đảm bảo vệ sinh môi trường và an ninh an toàn.

b) Giao thông đường thủy: Tuyến sông Ninh Cơ quy hoạch phát triển phù hợp với quy hoạch đường thủy nội địa Việt Nam: Sau năm 2020 cải tạo luồng, đảm bảo cho tàu có tải trọng đến 1.000 tấn ra vào thuận tiện.

8.2. San nền

- Đối với khu trung tâm thị trấn cũ cải tạo cục bộ nền khi xây dựng công trình mới và cải tạo công trình cũ, nền công trình đảm bảo hài hoà với cao độ nền xung quanh và không được ảnh hưởng tới thoát nước chung của khu vực.

- Đối với khu vực dân cư hiện có chỉ san lấp cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình, vườn tược giữ nguyên nền hiện trạng.

- Cao độ nền xây dựng đối với các khu vực quy hoạch mới được xác định đảm bảo cao độ khống chế phù hợp với điều kiện hiện trạng, đảm bảo độ dốc tự nhiên trung bình là 0,02%. Theo đó lựa chọn cao độ nền thiết kế dựa trên cao độ nền hiện trạng trục đường 32m và TL489:

+ Cao độ san nền hoàn thiện thấp nhất: +1,5m.

+ Cao độ san nền hoàn thiện cao nhất: +2,0m.

8.3. Thoát nước mưa:

Toàn bộ thị trấn được phân chia thành 4 lưu vực thoát nước:

- Lưu vực 1: Thoát nước cho khu vực phía Tây Nam thị trấn thoát ra sông Trà Thượng.

- Lưu vực 2: Thoát nước cho khu vực từ TL489 đến tổ 12,13 thoát ra kênh Bắc Cầu.

- Lưu vực 3: Khu vực trụ sở các cơ quan huyện thoát ra sông Trung Linh.

- Lưu vực 4: Khu vực phía Đông thị trấn thoát ra sông Mã.

8.4. Hệ thống thủy lợi

Kiên cố, nắn chỉnh hướng một số đoạn tuyến kênh mương nội đồng chính phù hợp với thực tế và nhu cầu sử dụng tại khu vực đồng thời tiếp tục kiên cố hóa, nâng cấp cải tạo hệ thống các công trình thủy lợi đầu mối đảm bảo không ảnh hưởng tới hệ thống thủy nông Xuân Thủy:

- Quy hoạch nối dài tuyến kênh Bắc Cầu hướng đến kênh giáp TL489C, chiều dài tuyến 0,8km.

- Nạo vét sông Ninh Cơ, kênh Mã.

8.5. Hệ thống cấp nước:

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2030 khoảng: 3.000m³/ng.đ.

- Nguồn cấp nước: đầu nối cấp nước từ nhà máy nước thị trấn hiện có, công suất nhà máy 8500m³/ngđ, cung cấp nước sạch sinh hoạt và sản xuất cho các hộ dân và các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn thị trấn.

- Mạng đường ống:

+ Cải tạo một số tuyến ống xuống cấp, đầu nối với mạng đường ống quy hoạch mới.

+ Quy hoạch mạng đường ống phân phối có đường kính D140 - D350. Mạng lưới đường ống dịch vụ được quy hoạch là mạng kín và mạng hở kết hợp, được đầu nối vào mạng lưới đường ống phân phối, có đường kính từ D75 đến D90.

+ Mạng cấp nước chữa cháy quy hoạch dùng chung với mạng cấp nước sinh hoạt.

8.6. Hệ thống cấp điện:

- Tổng công suất cấp điện khoảng: 17.801 KVA.

- Nguồn cấp điện được lấy từ trạm 110kV Lạc Quần (E3.8), công suất (25+40)MVA.

- Quy hoạch thêm 14 trạm biến áp với tổng công suất 6.920 KVA.

8.7. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

a) Thoát nước thải:

- Tổng lưu lượng thoát nước thải dự kiến: 2.400m³/ng.đ.

- Đối với khu vực dân cư cũ: Xây dựng hệ thống thoát nước chung. Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của từng công trình sẽ được dẫn về trạm xử lý nước thải qua hệ thống cống đặt trên vỉa hè dọc theo các trục đường chính, sau khi xử lý được bơm vào sông Trà Thượng và sông Mã.

- Đối với các dự án đã và đang thực hiện trong khu quy hoạch, hệ thống thoát nước thải phải đầu nối với hệ thống thoát nước thải của đồ án này.

- Đối với các khu vực xây dựng mới, mở rộng hoặc chưa có hệ thống thoát nước, xây dựng hệ thống thoát nước riêng dẫn nước thải về trạm xử lý.

- Đối với các khu vực sản xuất công nghiệp: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng và các trạm xử lý nước thải cục bộ trong từng nhà máy.

- Quy hoạch 02 trạm xử lý nước thải với công nghệ hiện đại:

+ Khu xử lý nước thải vị trí 1 giáp khu xử lý chất thải rắn thị trấn với diện tích 0,3 ha.

+ Khu xử lý nước thải vị trí 2 khu vực chân cầu Lạc Quần quy mô 0,2ha.

- Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn theo QCVN 14:2008/BTNMT sẽ được đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa, dẫn về sông Trà Thượng và sông Mã.

b) Chất thải rắn:

- Hiện tại chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển về khu xử lý chất thải rắn tập trung tại phía Đông Nam của thị trấn. Đến giai đoạn 2025-2030, chất thải rắn sinh hoạt của thị trấn sẽ được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn toàn huyện tại xã Xuân Ninh để xử lý.

- Chất thải rắn y tế được xử lý tại chỗ ở từng cơ sở nhằm hạn chế sự phát tán các vi khuẩn gây bệnh và chất độc hại ra môi trường.

- Chất thải rắn công nghiệp phân loại chất thải ngay tại nguồn, tận thu các phế liệu để tái chế nhằm giảm khối lượng chất thải rắn cần vận chuyển và xử lý. Chất thải rắn không nguy hại được chuyển đến khu xử lý chất thải rắn toàn huyện tại xã Xuân Ninh để xử lý, chất thải rắn công nghiệp nguy hại chuyển đến khu xử lý chất thải rắn Lộc Hoà, tại phường Lộc Hoà, thành phố Nam Định để xử lý.

c) Nghĩa trang:

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang giáp đường Trung Linh- Phú Nhai về phía Đông nghĩa trang cũ thêm 1,45ha. Tổng diện tích sau mở rộng là 3,62ha.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang phía Bắc tổ 15 về phía Tây nghĩa trang cũ thêm 2,4ha. Tổng diện tích sau mở rộng là 4,2 ha.

- Các điểm nghĩa trang khác giữ nguyên quy mô.

8.8. Quy hoạch hệ thống thông tin và truyền thông:

+ Để phát triển mạng 5G, khuyến khích việc xây dựng cột BTS ngay trang tích hợp với hệ thống cột đèn, cột điện, tận dụng các nhà cao tầng. Xây dựng các trạm BTS thân thiện với môi trường, đủ điều kiện phủ sóng trong tương lai.

+ Thực hiện ngầm hoá tuyến mạng ngoại vi dọc trục đường 32m và TL489 đoạn đi qua thị trấn. Khuyến khích xây dựng các tuyến hạ tầng ngầm.

+ Quy hoạch 02 trạm thu phát sóng thông tin di động trên địa bàn thị trấn.

9. Đánh giá môi trường chiến lược:

9.1. Mục tiêu:

- Kiểm soát ô nhiễm các khu vực phát triển; xử lý các cơ sở gây ô nhiễm, xử lý triệt để chất thải rắn, lỏng, khí. Đảm bảo chất lượng không khí trong lành; phục hồi môi trường nước các dòng sông ô nhiễm, cải thiện chất lượng nguồn nước.

- Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, bảo vệ và giải quyết cơ bản tình trạng suy thoái môi trường tại các khu vực sản xuất công nghiệp, khu đô thị, khu dịch vụ thương mại, các cơ sở sản xuất kinh doanh, bệnh viện, khu dân cư. Nâng cao khả năng phòng tránh và giảm thiểu tai biến môi trường, hạn chế thiên tai, ngập lụt.

- Khai thác sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ cảnh quan môi trường, đặc biệt là tài nguyên đất, tài nguyên nước.

- Nâng cao nhận thức, kiến thức về phòng ngừa ô nhiễm môi trường của các tầng lớp nhân dân.

9.2. Giải pháp bảo vệ môi trường:

- Giải pháp kỹ thuật:

- + Điều tra, đánh giá các nguồn nước bị ô nhiễm và có giải pháp xử lý thích hợp.

- + Áp dụng các biện pháp xử lý cuối đường ống và công nghệ xử lý nước thải tiên tiến nhằm giảm thiểu tối đa lượng chất ô nhiễm trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Giải pháp quản lý:

- + Tổ chức và hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp về môi trường thị trấn.

- + Hoàn thiện và tăng cường kiểm soát cơ cấu tổ chức quản lý môi trường các cấp (cấp cơ sở sản xuất, cấp tổ dân phố).

- + Thực hiện quan trắc định kỳ môi trường để có biện pháp xử lý kịp thời.

10. Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Xây dựng, mở rộng bến xe thị trấn.

- Nâng cấp, cải tạo khả năng thoát nước của sông Trà Thượng, Bắc Câu, sông Mã, phát triển thủy lợi thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng hệ thống các trục giao thông liên khu vực, trục giao thông khu vực chính tạo tính liên kết giữa các phân khu phát triển trong tổng thể giao thông thị trấn đồng thời hình thành hạ tầng cơ sở để khai thác hiệu quả các quỹ đất cho phát triển các chức năng đô thị, dịch vụ thương mại đi kèm.

- Xây dựng sân vận động, nhà thi đấu huyện.

- Xây dựng các cơ sở giáo dục: Trường THCS, trường mầm non.

- Nạo vét, kiên cố hoá hệ thống kênh cấp 2 đảm bảo kết nối không gây ảnh hưởng tới hệ thống tưới tiêu thuộc hệ thống thủy nông Xuân Thủy cho các xã lân cận.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (cấp điện: Trạm biến áp, lưới điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước; hệ thống thông tin liên lạc) đáp ứng nhu cầu sử dụng và phát triển các khu chức năng mới của thị trấn.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng xã hội: Khu công viên cây xanh tập trung, khu dân cư tập trung,... để nâng cao chất lượng đời sống sinh hoạt, văn hoá người dân đồng thời tạo điểm nhấn không gian cảnh quan.

11. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong “Quy định quản lý Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030” kèm theo đồ án này.

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Xuân Trường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Vp1, TTPVHCC, Vp5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Ngô Gia Tự